Biểu số 3

Đơn vị: Trường THPT Hiếu Tử
Chương: 422

SỞ GD & ĐT TRÀ VINH
TRƯỜNG THPT HIẾU TỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 43 /QĐ-THPTHT

Hiếu Tử, ngày 22 tháng 04 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách Quý 1 năm 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2917/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 660/QĐ -SGDĐT, ngày 27/7/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Trà Vinh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường THPT Hiếu Tử;

Xét đề nghị của Phòng Tài vụ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số thực hiện dự toán thu – chi ngân sách Quý 1 năm 2024 của Trường THPT Hiếu Tử *(theo biểu đính kèm).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán, các bộ phận và cá nhân có liên quan trong đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT.

Đính kèm
- Biểu số 3.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH TRÀ VINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HIẾU TỬ. HUYỆN TIỂU CẦN

Nguyễn Văn Hiếu

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
QUÝ 1 NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 43 /QĐ-THPTHT ngày 22/4 /2024)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý I/2024	Thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (%)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**	**395,62**	**41,64**	**10,52%**	**6,76%**
1	***Lệ phí***				
2	***Phí***	**362,95**	**25,31**	**6,97%**	**4,13%**
3	***Thu SXKD, dịch vụ***	**32,66**	***16,33***	***50%***	***500,92 %***
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**395,62**	**41,64**	**10,52%**	**6,76%**
1	***Chi sự nghiệp giáo dục***	**362,95**	**25,31**	**6,97%**	**4,13%**
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	362,95	25,31	6,97%	4,13%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	***Chi quản lý hành chính***				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	***Chi SXKD, dịch vụ***	**32,66**	***16,33***	***50%***	***500,92%***
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
1	***Lệ phí***				
2	***Phí***				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**				
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**7.416,74**	**1.626,75**	**21,93%**	**24,73%**
1	**Chi quản lý hành chính**				
2	**Chi sự nghiệp khoa học công nghệ**				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**7.416,74**	**1.626,75**	**21,93%**	**24,73%**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	**6.876,19**	1.624,79	23,62%	24,95%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	543,55	1,95	0,35%	2,95%
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
5	**Chi đảm bảo xã hội**				

6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				